CTCP Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc (UPCOM: VDB)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0%

2024

DT thuần **5,776** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 682 ▲ 13.4%

2024

LN gộp **274** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 14.0 ▼ 5.0%

2024

LN thuần **41.0** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 21.4 ▼ 34.4%

2024

LN sau thuế **34.4** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 17.1 ▼ 33.2%

2024

ROE **26.5%**

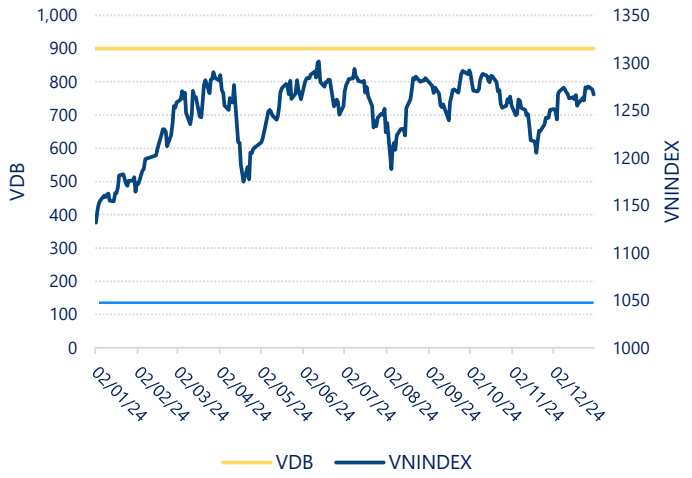
+/- YoY ▼ 11.0%

2024

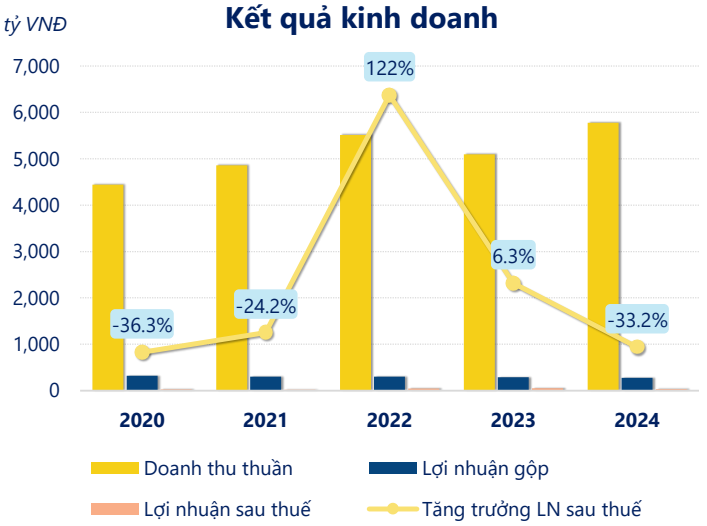
ROA **2.8%**

+/- YoY ▼ 2.8%

Lịch sử giá

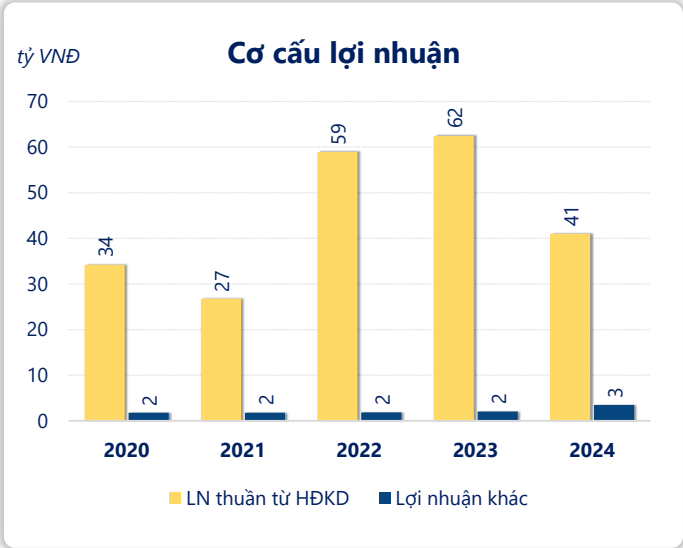


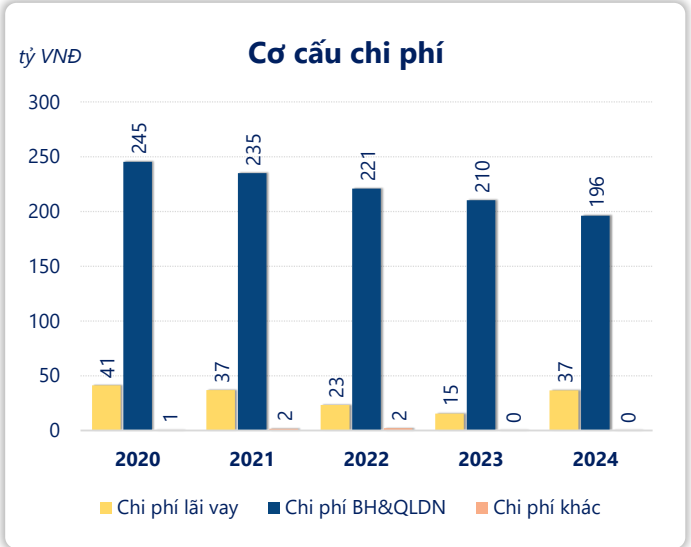
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VDB** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 13.4%** đạt **5,776** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 33.2%** chỉ còn **34.39** tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **26.5%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

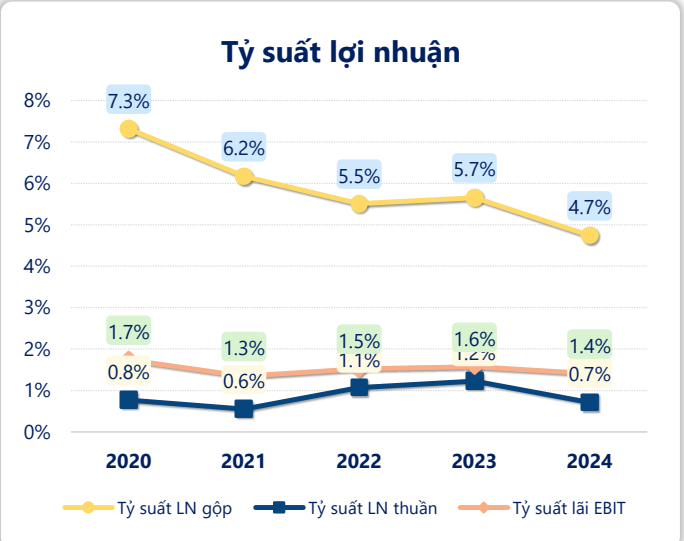


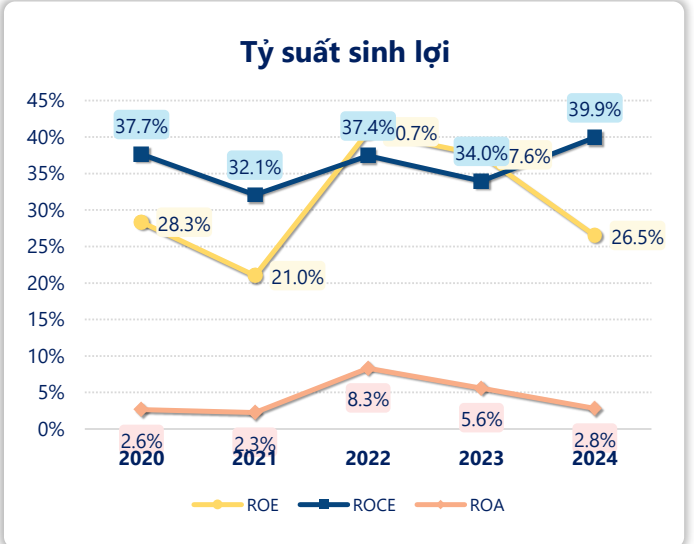


Năm **2024**, **VDB** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **40.97** tỷ đồng, **giảm đi 21.47** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (44.64 tỷ đồng) là 3.68 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

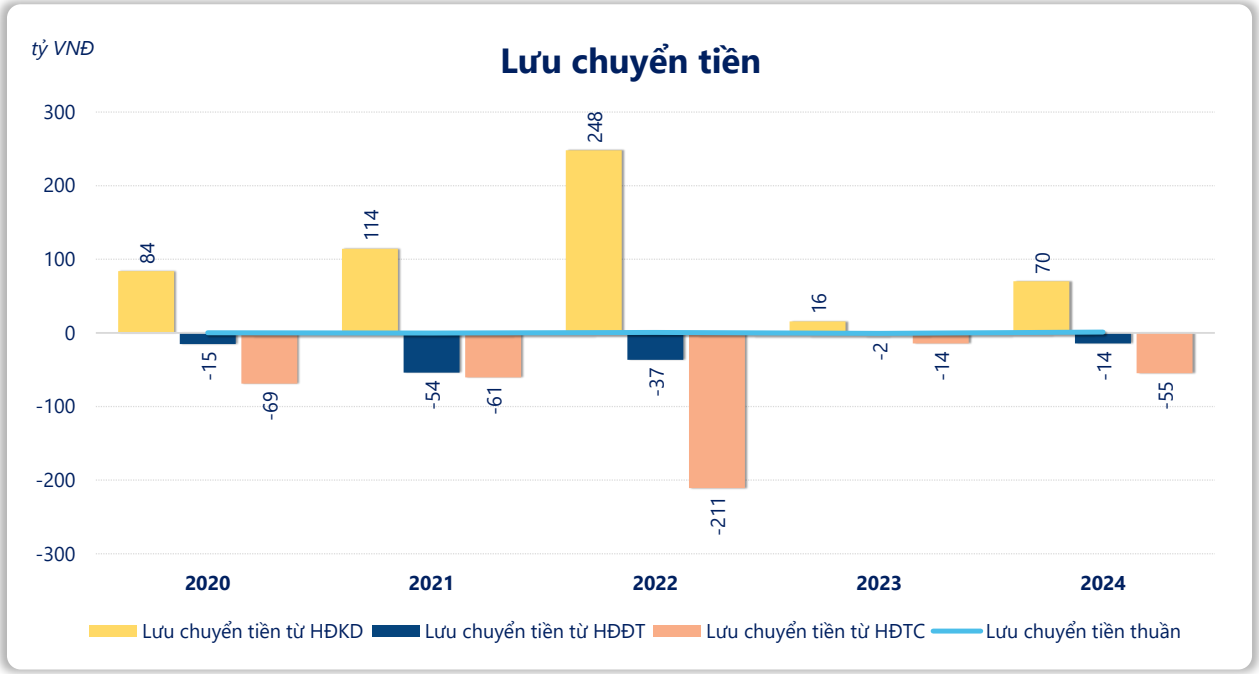
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **36.65** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **196.2** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.33** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VDB năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **26.5%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**4,443**	**4,857**	**5,516**	**5,094**	**5,776**
Giá vốn hàng bán	4,118	4,558	5,213	4,806	5,503
Lợi nhuận gộp	**325**	**300**	**304**	**288**	**274**
Doanh thu HĐTC	1.44	0.17	0.03	0.02	0.01
Chi phí TC	47.1	37.9	24.1	15.5	36.7
Chi phí lãi vay	**41.3**	**36.8**	**23.3**	**15.5**	**36.7**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	199	193	177	167	145
Chi phí QLDN	46.1	41.9	43.4	42.8	50.8
LN thuần từ HĐKD	**34.2**	**26.7**	**58.9**	**62.4**	**41.0**
Lợi nhuận khác	1.75	1.77	1.82	2.01	3.47
LN trước thuế	**35.9**	**28.5**	**60.7**	**64.4**	**44.4**
Lợi nhuận sau thuế	**28.7**	**21.8**	**48.4**	**51.5**	**34.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.7**	**21.8**	**48.4**	**51.5**	**34.4**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VDB bằng **1.16** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.60 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **70.31** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-14.40** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-54.74** tỷ đồng.